

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2019/DS-ST**
Ngày: 18 - 11 - 2019
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS, ngày 08/10/2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 30/2019/QĐ-TA, ngày 22/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-DS, ngày 24/10/2019; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 25/2019/TB-TA, ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H – Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng A – Chi nhánh T, Bình Thuận.

Địa chỉ: Số 445 T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H: Ông Vũ Hoàng H, sinh năm 1966 – Phó phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng - chi nhánh T, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm: 1952, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955, vắng mặt;

Địa chỉ: Cùng ở xóm 2, thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T (theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2019): Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1986, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A đề ngày 08/8/2019 và lời khai của ông Vũ Hoàng H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, thì:

Ông Nguyễn Trọng Đ có ký kết một hợp đồng tín dụng vay vốn ngắn hạn với Ngân hàng A - Chi nhánh T. Theo Hợp đồng tín dụng số: TH 74/2017/HĐTD ngày 20/10/2017, với số tiền vay vốn là: 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), mục đích vay để kinh doanh mua bán mũ cao su, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi chia thành 03 kỳ, cụ thể:

- Kỳ 01 vào ngày 22/10/2018, số tiền 1 tỷ đồng;
- Kỳ 02 vào ngày 20/11/2018, số tiền 1,4 tỷ đồng;
- Kỳ 03 số tiền còn lại là 1,6 tỷ đồng.

Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm với thời hạn vay 12 tháng. Được thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo giấy nhận nợ, ngày quá thời hạn vay là ngày 20/10/2018. Phương thức cho vay là theo hạn mức tín dụng, loại đồng tiền cho vay là tiền Việt Nam đồng.

Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T có xác lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TH 023.14/HĐTD, ngày 07/5/2014 để bảo đảm một phần khoản vay gồm 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Giấy chứng nhận QSDĐ số: I 199619 do UBND huyện T cấp ngày 03/3/1998;
- Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 247205 do UBND huyện T cấp ngày 15/8/2003;
- Giấy chứng nhận QSDĐ số: V220918 do UBND huyện T cấp ngày 18/7/2003;
- Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 2247204 do UBND huyện T cấp ngày 15/8/2003.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà T đã trả số tiền gốc được 50.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi từ ngày vay cho đến hôm nay chưa trả đồng nào.

Vợ chồng ông Đ, bà T còn nợ Ngân hàng tiền gốc là: 3.950.000.000 đồng và

số tiền nợ lãi tính đến ngày 18/11/2019 là: 892.356.164 đồng.

Tổng hai khoản nợ tính đến ngày hôm nay là: 4.842.356.164 đồng.

Vợ chồng ông Đ và bà T đã để khoản nợ vay ngắn hạn phát sinh quá hạn từ ngày 22/10/2018 và Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện để cho vợ chồng ông Đ có thể trả được nợ vay, nhưng vợ chồng ông Đ vẫn không thực hiện trả nợ theo cam kết. Do đó, toàn bộ các khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo hoạt động của Ngân hàng không bị ảnh hưởng, cũng như thu hồi nợ bảo toàn vốn vay. Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc ông Đ và bà T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ vay và nợ lãi suất đến ngày 18/11/2019 là: 4.842.356.164 đồng (*trong đó tiền gốc là: 3.950.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 18/11/2019 là: 892.356.164 đồng*) và tiền lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết từ ngày 19/11/2019, cho đến khi trả hết nợ vay.

Nếu trong quá trình giải quyết ông Đ, bà T không chấp hành trả nợ vay cho Ngân hàng, thì Ngân hàng đề nghị Tòa án cho phép phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp lại theo Hợp đồng thế chấp số: TH 023.14/HĐTD, ngày 07/5/2014 để thu hồi nợ gốc, lãi theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, gồm: 01 Quyết định số 510 ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; 01 Quyết định số 668 ngày 27/4/2017 về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ; 01 giấy ủy quyền; 01 hợp đồng tín dụng; 01 phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; 01 phương án vay vốn Ngân hàng; 01 báo cáo thẩm định; 03 giấy nhận nợ; 03 báo cáo đề xuất giải ngân; 01 phục lục hợp đồng thế chấp tài sản; 01 giấy ủy quyền; 01 phụ lục hợp đồng; 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; 01 đơn yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 01 biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; 07 biên bản kiểm tra sau khi cho vay; 01 thông báo chuyển nợ quá hạn; 01 văn bản thỏa thuận; 03 biên bản xử lý nợ vay; 01 biên bản làm việc; 01 thông báo xử lý tài sản bảo đảm; 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền (toàn bộ đều là sao y bản chính).

Theo Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Trọng Q lập ngày 17/9/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thì:

Anh Q cho rằng; theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, thì phía bị đơn là cha mẹ ruột của anh Q tên là ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T hoàn toàn đồng ý với toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi và mức lãi suất Ngân hàng đã áp dụng.

Anh Q thừa nhận rằng, cha anh là ông Nguyễn Trọng Đ có ký kết một hợp đồng tín dụng vào ngày 20/10/2017 với Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh T, nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng cũng như quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là đúng.

Do hiện nay giá mủ cao su xuống thấp, chỉ đủ chi phí trả công thợ và phân bón chăm sóc cây nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cha mẹ anh phải trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, thì vợ chồng ông Đ và bà T không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, anh Q có ý kiến xin được gia hạn thêm một thời gian là: 12 tháng, để anh tự bán tài sản thế chấp trả toàn bộ nợ gốc và lãi của chính anh Q và tiền còn dư lại sẽ trả lãi vay cho cha mẹ anh Q (ông Đ, bà T).

Nếu anh Q không thực hiện trong thời hạn nói trên, thì Ngân hàng được quyền phát mãi toàn bộ tài sản mà cha mẹ anh đã thế chấp cho Ngân hàng, để thu hồi các khoản nợ nói trên.

Quá trình giải quyết, anh Q cung cấp cho Tòa án: 01 Giấy ủy quyền (bản chính).

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến, như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 3.950.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã ký trong Hợp đồng tín dụng.

Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Quyết định số: 510 ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; 01 Quyết định số: 668 ngày 27/4/2017, về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ; 01 giấy ủy quyền; 01 hợp đồng tín dụng; 01 phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; 01 phương án vay vốn Ngân hàng; 01 báo cáo thẩm định; 03 giấy nhận nợ; 03 báo cáo đề xuất giải ngân; 01 phục lục hợp đồng thế chấp tài sản; 01 giấy ủy quyền; 01 phụ lục hợp đồng; 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; 01 đơn yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

01 biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; 07 biên bản kiểm tra sau khi cho vay; 01 thông báo chuyển nợ quá hạn; 01 văn bản thỏa thuận; 03 biên bản xử lý nợ vay; 01 biên bản làm việc; 01 thông báo xử lý tài sản bảo đảm; 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền (*toàn bộ đều là sao y bản chính*); 01 giấy ủy quyền do bị đơn cung cấp; các bản tự khai, biên bản hòa giải do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: Về số tiền vay gốc và lãi.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: Về phương thức trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn phải trả số tiền là: 4.842.356.164 đồng. (*trong đó tiền nợ gốc là: 3.950.000.000 đồng và nợ lãi suất tính đến ngày 18/11/2019 là: 892.356.164 đồng*). Quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Theo lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ cũng như việc thẩm tra tại phiên tòa cho thấy:

Vào ngày 20/10/2017, giữa Ngân hàng A- Chi nhánh T và ông Nguyễn Trọng Đ có ký kết một Hợp đồng tín dụng số: TH 74/2017/HĐTD ngày 20/10/2017, với số tiền vay là: 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*), mục đích vay để kinh doanh mua bán mũ cao su, mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: 9%/năm, thời hạn vay là: 12 tháng và các loại lãi suất khác.

Đồng thời, các bên có ký với nhau một Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TH 023.14/HĐTD ngày 07/5/2014, để bảo đảm khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà T đã trả một khoản tiền vay cho Ngân hàng nợ gốc là: 50.000.000 đồng.

Xét thấy; trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trọng Q là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T đã thừa nhận và đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tuy nhiên, anh Q xin gia hạn thêm một thời gian là: 12 tháng, để anh Q tự bán tài sản của mình để trả cho Ngân hàng và trả một phần nợ lãi cho ông Đ, bà T. Số tiền nợ gốc 3.950.000.000 đồng của ông Đ, bà T, thì cho vay đáo hạn lại.

Thấy rằng; việc ký kết hợp đồng tín dụng là do các bên tự thỏa thuận và tự nguyện ký kết với nhau. Các bên đã ký kết một hợp đồng thể hiện rõ nội dung về tiền vay, tiền lãi, thời hạn vay, phương thức trả nợ vay gốc, lãi và mức lãi suất quá hạn khi vi phạm hợp đồng tín dụng.

Theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, thì khi khách hàng vi phạm phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có quyền thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm vay vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng để đảm bảo khoản vay.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Đ, bà T phải trả số tiền 4.842.356.164 đồng (*trong đó tiền nợ gốc là: 3.950.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 18/11/2019 là: 892.356.164 đồng*), là có căn cứ, phù hợp với sự thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất :

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TH 023.14/HĐTC ngày 07/5/2014, thì ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 247205; V 220918, V 247204 và I 199619. Tổng giá trị tài sản là 2.821.791.000 đồng, để Hợp đồng tín dụng vay số tiền 4.000.000.000 đồng vào ngày 20/10/2017.

Theo quy định tại Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì nếu không có thỏa thuận hoặc không xử lý được theo thỏa thuận bên nhận thế chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án.

Thấy rằng; yêu cầu của Ngân hàng được quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp, để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 355, 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghĩ nên; Ngân hàng A được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 103.217m², thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 20, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 220918; thửa đất số: 11, tờ bản đồ số: 22, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 247205; thửa đất số: 12, tờ bản đồ số: 22, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 247204 và các thửa đất số: 112, 112, 201, tờ bản đồ số: 10, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: I 199619 của UBND huyện T, mang tên Hộ ông Nguyễn Trọng Đ và ông Nguyễn Trọng Đ, để trừ số tiền nợ là: 4.842.356.164 đồng và lãi suất phát sinh.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông Đ, sinh năm 1952 (*67 tuổi*) và bà T, sinh năm 1955 (*64 tuổi*) là người cao tuổi theo Luật cao tuổi, dẫn chiếu đến điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 715, 721 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng A số tiền là: 4.842.356.164 đồng (*bốn tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là: 3.950.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 18/11/2019 là: 892.356.164 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: TH 74/2017/HĐTD, ngày 20/10/2017.

2. Ngân hàng A được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 103.217m², thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 20, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 220918; thửa đất số: 11, tờ bản đồ số: 22, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 247205; thửa đất số: 12, tờ bản đồ số: 22, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: V 247204 và các thửa đất số: 112, 112, 201, tờ bản đồ số: 10, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: I 199619 của UBND huyện T, mang tên Hộ ông Nguyễn Trọng Đ và ông Nguyễn Trọng Đ, để trừ số tiền là: 4.842.356.164 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 19/11/2019.

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí DS-ST cho ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T.

Hoàn trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh T, số tiền là: 59.500.000 đồng (*mười chín triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0026939 ngày 22/8/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận.

4. Về kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2019).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. *(Đã giải thích quyền kháng cáo)*./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiệp